

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ
PP ENTERPRISE

Báo cáo tài chính
Quý 2 năm 2024



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	2-3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	5
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	6-16

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		16.352.309.126	11.108.141.421
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	8.560.169.236	3.391.407.676
1. Tiền	111		2.615.088.688	41.407.676
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.945.080.548	3.350.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.096.626.653	0
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2	2.110.634.985	0
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122	V.2	(14.008.332)	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.670.954.958	7.699.094.068
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.544.848	4.522.144.315
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		0	1.165.668.837
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch	134		223.055.963	223.055.963
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn		V.4	5.000.000.000	0
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	670.954.947	2.012.825.753
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(224.600.800)	(224.600.800)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		24.558.279	17.639.677
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	8.500.002	7.700.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		13.263.933	7.145.333
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.10	2.794.344	2.794.344
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		0	5.000.000.000
I. Các khoản phải thu dài hạn	110		0	5.000.000.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		0	5.000.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		16.352.309.126	16.108.141.421

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ PP ENTERPRISE

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		4.848.987.353	4.949.270.351
I. Nợ ngắn hạn	310		4.850.987.353	4.949.270.351
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	3.041.423.511	3.041.423.511
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.9	1.488.007.754	1.588.007.754
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	4.834.602	4.834.602
4. Phải trả người lao động	314		15.496.224	15.497.820
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.000.000	0
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	299.225.262	299.506.664
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		11.501.321.773	11.158.871.070
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.12	11.501.321.773	11.158.871.070
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		20.000.000.000	20.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		20.000.000.000	20.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		0	0
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		146.866.588	146.866.588
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(8.645.544.815)	(8.987.995.518)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(8.987.995.518)	(9.732.088.249)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		342.450.703	744.092.731
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		16.352.309.126	16.108.141.421

Người lập biểu / Kế toán trưởng

Kiều Anh Tuyên

Ngày 17 tháng 07 năm 2024

Chủ tịch Hội đồng quản trị



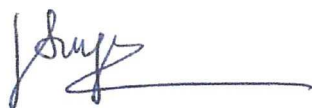
Hoàng Việt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho kỳ kế toán từ 01/04/2024 đến 30/06/2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.205.718.600	0	1.205.718.600	0
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0	0	0
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.205.718.600	0	1.205.718.600	0
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.203.105.840	0	1.203.105.840	0
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.612.760	0	2.612.760	0
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	212.860.688	325.337.215	783.359.861	661.667.101
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	189.957.166	0	203.854.555	0
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		19.268.078	0	21.838.973	0
8. Chi phí bán hàng	25		0	0	0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	83.929.783	96.296.724	239.062.102	172.521.034
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(58.413.501)	229.040.491	343.055.964	489.146.067
11. Thu nhập khác	31		0	0	0	0
12. Chi phí khác	32	VI.6	460	1.300.846	605.261	1.300.846
13. Lợi nhuận khác	40		(460)	(1.300.846)	(605.261)	(1.300.846)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(58.413.961)	227.739.645	342.450.703	487.845.221
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	0	0	0	0
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		0	0	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(58.413.961)	227.739.645	342.450.703	487.845.221
18. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	(29)	114	171	244

Người lập biểu / Kế toán trưởng



Kiều Anh Tuyên

Ngày 17 tháng 07 năm 2024



Hoàng Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho kỳ kế toán từ 01/04/2024 đến 30/06/2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	342.450.703	487.845.221
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Các khoản dự phòng	03	14.008.332	0
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(357.143.818)	(661.667.101)
- Chi phí lãi vay	06	21.838.973	0
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	21.154.190	(173.821.880)
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	7.290.028.534	1.997.988.922
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(98.282.998)	(2.897.233.279)
- Tăng/(giảm) chi phí trả trước	12	(800.002)	0
- Tăng/(giảm) chứng khoán kinh doanh	13	(2.110.634.985)	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	5.101.464.739	(1.073.066.237)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.600.000.000)	0
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.600.000.000	800.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	67.296.821	233.908.197
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	67.296.821	1.033.908.197
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	0	0
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	5.168.761.560	(39.158.040)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	3.391.407.676	80.929.602
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	8.560.169.236	41.771.562

Người lập biểu / Kế toán trưởng



Kiều Anh Tuyên

Ngày 17 tháng 07 năm 2024

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Hoàng Việt

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ kế toán từ 01/04/2024 đến 30/06/2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư PP Enterprise (tên cũ là Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102403985 ngày 31 tháng 10 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 16 ngày 13 tháng 12 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 12 Tòa nhà Diamond Flower Tower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty: Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 20.000.000.000 đồng (bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng./.) tương ứng 2.000.000 cổ phần mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, số lượng nhân viên là 2 người (tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, số lượng nhân viên là 1 người).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu; Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Kiểm tra và phân tích kỹ thuật; Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Khai thác quặng sắt; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác; Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu; Vận tải hành khách đường bộ khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Đại lý du lịch; Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn; Sản xuất điện; Tái chế phế liệu; Xây dựng nhà để ở; Xây dựng nhà không để ở; Xây dựng công trình đường sắt; Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình điện; Xây dựng công trình cấp, thoát nước; Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc; Xây dựng công trình công ích khác; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Đại lý ô tô và xe có động cơ khác; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán mô tô, xe máy; Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy; Bán buôn thực phẩm; Hoạt động tư vấn quản lý; Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển; Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

41
16
7
Đ
R
K011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ 01/01 và kết thúc ngày 31/12.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu và phải thu khác

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán.

3. Nguyên tắc ghi nhận cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn

Cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng kỳ theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Cho vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản cho vay tại ngày của bảng cân đối kế toán.

4. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

5. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó.

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

7. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

8. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

10. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

11. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

12. Sử dụng các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Chủ tịch Hội đồng quản trị, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Chủ tịch Hội đồng quản trị đánh giá là hợp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	0	14.482
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.615.088.688	41.393.194
Các khoản tương đương tiền (*)	5.945.080.548	3.350.000.000
Cộng	8.560.169.236	3.391.407.676

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1-3 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô.

2. Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2024			01/01/2024		
	Số lượng	Giá gốc	Dự phòng	Số lượng	Giá gốc	Dự phòng
Cổ phiếu MBB	38.000	857.608.332	(14.008.332)	0	0	0
Cổ phiếu TCB	55.000	1.253.026.653	0	0	0	0
Cộng		2.110.634.985	(14.008.332)		0	0

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Bên thứ ba	1.544.848	4.522.144.315
Công ty Cổ phần Gạch ốp lát Hòa Bình Minh	0	3.575.465.057
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thái Bình Minh	0	945.134.410
Phải thu khách hàng khác	1.544.848	1.544.848
Cộng	1.544.848	4.522.144.315

4. Phải thu về cho ngắn hạn

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Bên liên quan	5.000.000.000	0
Hoàng Việt	5.000.000.000	0
Cộng	5.000.000.000	0

(*) Cho Ông Hoàng Việt - Chủ tịch Hội đồng quản trị vay theo Hợp đồng cho vay tiền số 2112/2023/HĐVV-PPE ngày 21/12/2023 với lãi suất cho vay là 8%/năm, kỳ hạn 18 tháng kể từ ngày 21/12/2023.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, không có khoản phải thu về cho vay ngắn hạn nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

5. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Bên thứ ba	459.448.097	2.000.770.959
Công ty CP Chứng khoán SSI - Chi nhánh Mỹ Đình	448.875.000	0
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	0	2.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	10.573.097	770.959
Bên liên quan	211.506.850	12.054.795
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	211.506.850	12.054.795
<u>Trong đó</u>		
Hoàng Việt	211.506.850	12.054.795
Cộng	670.954.947	2.012.825.754

6. Dự phòng phải thu khó đòi

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ban điều hành Dự án nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2	1.544.838	(1.544.838)	1.544.838	(1.544.838)
Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2	223.055.962	(223.055.962)	223.055.962	(223.055.962)
Cộng	224.600.800	(224.600.800)	224.600.800	(224.600.800)

Đơn vị tính: VND

403

NG 7
PHẤ
IDẦ
ERPR

Ồ H

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	8.500.002	7.700.000
Cộng	8.500.002	7.700.000

8. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Bên thứ ba	3.041.423.511	3.041.423.511
Công ty Cổ phần Tư vấn Việt – Delta	1.670.425.567	1.670.425.567
Phải trả người bán ngắn hạn khác (*)	1.370.997.944	1.370.997.944
Cộng	3.041.423.511	3.041.423.511

(*) Không có đối tượng nào chiếm từ 10% trở lên trên tổng số dư nợ.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có khoản phải trả người bán nào quá hạn chưa thanh toán.

9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Bên thứ ba	1.488.007.754	1.588.007.754
Ban quản lý dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	1.322.555.556	1.422.555.556
Ban quản lý dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	132.452.198	132.452.198
Ban điều hành các dự án của PVC tại Hà Nội	33.000.000	33.000.000
Cộng	1.488.007.754	1.588.007.754

10. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước

	01/01/2024	Số phải nộp/ giảm trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Đơn vị tính: VND 30/06/2024
Phải nộp	4.834.602	3.387.212	3.387.212	4.834.602
Thuế thu nhập cá nhân	4.834.602	387.212	387.212	4.834.602
Thuế môn bài	0	3.000.000	3.000.000	0
Phải thu	2.794.344	0	0	2.794.344
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.794.344	0	0	2.794.344

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

11. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Bên thứ ba	299.225.262	299.506.664
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	5.225.262	5.225.262
Cổ tức phải trả cho các cổ đông (*)	294.000.000	294.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	0	281.402
Cộng	299.225.262	299.506.664

(*) Khoản cổ tức còn phải trả cho cổ đông theo Nghị quyết Đại hội cổ đông số 08/NQĐHCĐ-TVĐLDK năm 2012 về việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2011. Đây là khoản cổ tức phải trả cho cổ đông cũ là Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.

12. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	20.000.000.000	146.866.588	(9.732.088.249)	10.414.778.339
Lãi trong năm trước			744.092.731	744.092.731
Số dư cuối năm trước	20.000.000.000	146.866.588	(8.987.995.518)	11.158.871.070
Số dư đầu năm nay	20.000.000.000	146.866.588	(8.987.995.518)	11.158.871.070
Lãi trong năm nay			342.450.703	342.450.703
Số dư cuối quý này	20.000.000.000	146.866.588	(8.645.544.815)	11.501.321.773

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2024	%	01/01/2024	%
	VND		VND	
Vốn góp của các cổ đông	20.000.000.000	100,000	20.000.000.000	100,000
Cộng	20.000.000.000	100	20.000.000.000	100

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
Vốn của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	20.000.000.000	20.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	20.000.000.000	20.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

d) Cổ phiếu

	30/06/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý 2 năm 2024	Quý 2 năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng hóa	1.205.718.600	0
Cộng	1.205.718.600	0
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng hóa	1.205.718.600	0
Cộng	1.205.718.600	0

2. Giá vốn hàng bán

	Quý 2 năm 2024	Quý 2 năm 2023
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	1.203.105.840	0
Cộng	1.203.105.840	0

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 2 năm 2024	Quý 2 năm 2023
	VND	VND
Lãi kinh doanh chứng khoán	80.458.970	0
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	132.401.718	325.337.215
Cộng	212.860.688	325.337.215

4. Chi phí tài chính

	Quý 2 năm 2024	Quý 2 năm 2023
	VND	VND
Lỗ kinh doanh chứng khoán	156.517.217	0
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	14.008.332	0
Chi phí lãi vay	19.268.078	0
Chi phí tài chính khác	163.539	0
Cộng	189.957.166	0

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 2 năm 2024 VND	Quý 2 năm 2023 VND
Chi phí nhân viên quản lý	63.969.419	86.341.668
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.960.364	9.955.056
Cộng	83.929.783	96.296.724

6. Chi phí khác

	Quý 2 năm 2024 VND	Quý 2 năm 2023 VND
Chi phí khác	460	1.300.846
Cộng	460	1.300.846

7. Chi phí thuế thu doanh nghiệp hiện hành và hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	342.450.703	487.845.221
Các khoản điều chỉnh	605.261	1.300.846
- Các khoản điều chỉnh tăng	605.261	1.300.846
- Các khoản điều chỉnh giảm	0	0
Chuyển lỗ của các năm trước	343.055.964	489.146.067
Lợi nhuận tính thuế	0	0
+ Thuế suất 20%	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế còn được chuyển của các năm trước vì khả năng Công ty có thu nhập chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ tính thuế này được đánh giá là không chắc chắn.

8. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu

	Quý 2 năm 2024 VND	Quý 2 năm 2023 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(58.413.961)	227.739.645
Các khoản điều chỉnh	0	0
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(58.413.961)	227.739.645
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.000.000	2.000.000
Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	(29)	114

==
 40
 VG
 PH,
 ĐÃ
 RP
 5H
 ==

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Quý 2 năm 2024	Quý 2 năm 2023
	VND	VND
Chi phí nhân công	63.969.419	86.341.668
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.960.364	9.955.056
Cộng	83.929.783	96.296.724

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty khẳng định rằng không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc của Công ty trong kỳ như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Quý 2 năm 2024	Quý 2 năm 2023
			VND	VND
Hội đồng quản trị				
1	Ông Hoàng Việt	Chủ tịch HĐQT	27.237.000	0
2	Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Thành viên HĐQT và Giám đốc	0	0
3	Bà Lê Tuyết Mai	Thành viên HĐQT	0	0
Ban Kiểm soát				
1	Ông Trần Đức Hiệp	Trưởng Ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 21/6/2024)	0	0
2	Bà Nguyễn Thị Thanh	Thành viên Ban kiểm soát (trước ngày 21/06/2024) Trưởng Ban kiểm soát (bổ nhiệm ngày 21/06/2024)	0	0
3	Ông Lê Văn Huy	Thành viên Ban kiểm soát	0	0
4	Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên Ban kiểm soát (bổ nhiệm ngày 21/06/2024)	0	0
Ban Giám đốc				
1	Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Giám đốc	0	0
Cộng			27.237.000	0

Trong kỳ, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ quan trọng với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan

Hoàng Việt

Lãi tiền cho vay

Hoàng Việt

Cộng

Mối quan hệ

Chủ tịch Hội đồng quản trị

	Quý 2 Năm 2024	Quý 2 Năm 2023
	VND	VND
	99.726.027	0
Cộng	99.726.027	0

// 9/2/24
 Y
 V
 TT
 SE
 M

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy Công ty không lập báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý ngoài Việt Nam.

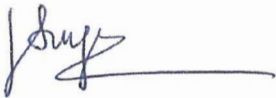
Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Trong kỳ kế toán từ 01/04/2024 đến 30/06/2024, Công ty không tiến hành lập báo cáo tài chính bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh do Công ty vẫn đang trong giai đoạn tái cơ cấu, chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh chính thức.

4. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này, Công ty không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty hoạt động liên tục.

Người lập biểu / Kế toán trưởng



Kiều Anh Tuyên

Ngày 17 tháng 07 năm 2024

